

Plg: TTTT

ỦY BAN DÂN TỘC

Số 90/QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt “Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Ủy ban Dân tộc giai đoạn 2011 - 2015”

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC

Căn cứ Nghị định số 60/2008/NĐ-CP ngày 09/5/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 246/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển CNTT-TT đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011 - 2015;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Giám đốc Trung tâm Thông tin,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Ủy ban Dân tộc giai đoạn 2011 - 2015”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Giám đốc Trung tâm Thông tin và Thủ trưởng các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: *Đ*

- Như điều 3;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBND (để b/c);
- Các PCN UBND;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
PHÓ CHỦ NHIỆM THƯỜNG TRỰC**



Bé Trường Thành



ỦY BAN DÂN TỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾ HOẠCH
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG
CỦA CƠ QUAN ỦY BAN DÂN TỘC
GIẢI ĐOẠN 2011-2015

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 14/04/2011
của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)*

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Chỉ thị số 58/CT-TW ngày 17/10/2000 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa;
- Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Căn cứ Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc;
- Nghị định số 60/2008/NĐ-CP ngày 9/05/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;
- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Quyết định 1277/QĐ-TTg, ngày 7/12/2005 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Nội dung, nhiệm vụ chủ yếu của quản lý Nhà nước và phương thức công tác dân tộc giai đoạn 2006-2010”;
- Quyết định số 246/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển CNTT-TT đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020;
- Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011 – 2015;
- Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 06/7/2010 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt Đề án phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông hệ thống thống kê của Ủy ban Dân tộc đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020.
- Quyết định số 393/QĐ-UBND ngày 01/10/2010 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu các dân tộc thiểu số Việt Nam năm 2010.

II. MỤC TIÊU ỨNG DỤNG CNTT GIAI ĐOẠN 2011- 2015

1. Mục tiêu chung

Tăng cường khả năng và triển khai đồng bộ, hiệu quả ứng dụng CNTT trong hoạt động quản lý, chỉ đạo và điều hành của hệ thống các cơ quan làm công tác dân tộc từ Trung ương đến địa phương.

Xây dựng và duy trì một hệ thống cơ sở dữ liệu ngành dân tộc phục vụ tra cứu tổng hợp về các hoạt động cũng như tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi, đồng thời hỗ trợ công tác bảo tồn, phát huy ngôn ngữ, chữ viết và bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam.

Xây dựng một kênh thông tin trực tuyến giải đáp về công tác dân tộc và chính sách dân tộc, tăng cường năng lực phục vụ nhiệm vụ tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về vấn đề dân tộc và công tác dân tộc.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của hệ thống các cơ quan làm công tác dân tộc

- 100 % cán bộ, công chức, viên chức tại Ủy ban dân tộc được trang bị máy tính cá nhân kết nối mạng, đảm bảo phục vụ tốt công tác chuyên môn.

- Hoàn thiện hệ thống máy chủ dịch vụ và các thiết bị mạng phục vụ hoạt động ứng dụng CNTT tại Ủy ban Dân tộc và đảm bảo khả năng kết nối trực tuyến từ/đến hệ thống cơ quan làm công tác dân tộc các cấp.

- Ứng dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số và xác thực quốc gia.

b) Xây dựng các hệ thống thông tin tổng thể và chuyên ngành nhằm tạo môi trường làm việc điện tử trong Ủy ban Dân tộc nói riêng và hệ thống các cơ quan làm công tác dân tộc

- Hoàn thiện các phân hệ thuộc hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành Ủy ban Dân tộc tích hợp trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban, tạo môi trường trao đổi thông tin trực tuyến giữa hệ thống các cơ quan làm công tác dân tộc, đảm bảo các thông tin được quản lý trên một nền tảng thống nhất, đồng bộ, phát huy hiệu quả tổng thể.

- Đảm bảo hệ thống thông tin được ứng dụng và đáp ứng 75% các văn bản, tài liệu nội bộ được trao đổi hoàn toàn dưới dạng điện tử.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý cơ sở dữ liệu về các vấn đề dân tộc, xây dựng kế hoạch và từng bước tổng hợp và cập nhật thông tin cho cơ sở dữ liệu.

- Xây dựng thử nghiệm 03 từ điển ngôn ngữ dân tộc thiểu số, rút kinh nghiệm làm nền tảng cho việc phổ triển đối với các ngôn ngữ khác nhằm mục

tiêu bảo tồn tiếng nói, chữ viết và văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số Việt Nam.

c) Xây dựng, hoàn thiện các hệ thống thông tin chuyên ngành phục vụ cung cấp dịch vụ cho người dân và doanh nghiệp.

- Xây dựng và đưa vào triển khai hoạt động hệ thống truyền phát trực tuyến các kênh phát thanh truyền hình dân tộc trên Internet

- Xây dựng một hệ thống giao diện bao gồm các công cụ, thông tin, biểu mẫu phục vụ cải cách hành chính tại cơ quan Ủy ban Dân tộc song song với phục vụ người dân và doanh nghiệp.

d) Bảo đảm ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả, đồng bộ và thống nhất theo định hướng chung của quốc gia

- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được cung cấp hộp thư điện tử và thường xuyên sử dụng trong công việc là 100%.

- Tỷ lệ các Vụ, đơn vị sử dụng hệ thống thông tin tổng thể trên môi trường mạng là 100%.

- Tỷ lệ máy tính trên cán bộ, công chức là 100%.

- Triển khai dịch vụ phổ biến và giải đáp các chính sách đối với đồng bào và vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban. Đảm bảo các dịch vụ công trực tuyến nằm trong chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc của Ủy ban Dân tộc trên Cổng thông tin đạt mức độ 3.

III NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Hạ tầng kỹ thuật

1.1. Hệ thống máy chủ:

Trang tin điện tử của Ủy ban Dân tộc, Trang thông tin điện tử Chương trình 135 được tích hợp và cài đặt tại cơ quan Ủy ban Dân tộc. Đồng thời với việc nâng cấp hệ thống thông tin điều hành, hệ thống cơ sở dữ liệu về các vấn đề dân tộc để tăng cường khả năng đảm bảo hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành trong hệ thống các cơ quan làm công tác dân tộc, triển khai các dịch vụ công trực tuyến nằm trong chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc của Ủy ban Dân tộc, cần bổ sung đầu tư tối thiểu 05 máy chủ cấu hình cao, đảm bảo toàn bộ các dịch vụ được hoạt động thông suốt.

Hệ thống lưu trữ tập trung cần trang bị 01 hệ thống mạnh hơn với dung lượng lưu trữ cao hơn. Song song với việc trang bị thêm hệ thống lưu trữ tập trung, các dịch vụ, ứng dụng đang hoạt động đơn lẻ trên máy chủ độc lập phải nâng cấp lên theo mô hình giải pháp clustering, đảm bảo tính sẵn sàng, không bị ngừng hệ thống khi có sự cố.

1.2. Hệ thống mạng, thiết bị kết nối mạng và đường truyền:

Hoàn thiện hệ thống mạng nội bộ của Ủy ban Dân tộc, nâng cấp các thiết bị kết nối mạng, đảm bảo kết nối của hệ thống các cơ quan làm công tác dân tộc với các ứng dụng dùng chung: tăng cường các thiết bị kết nối trực chính; nâng cấp thiết bị VPN hỗ trợ khả năng kết nối đa điểm; nâng cấp năng lực đường truyền kết nối trực tuyến đến hệ thống ứng dụng và dịch vụ của Ủy ban Dân tộc; trang bị thêm thiết bị trên đường truyền trực chính đảm bảo tính tương thích, đồng bộ cùng với việc cài đặt hệ thống fail-over, load-balancing... Đường truyền cần nâng cấp lên hai đường kết nối cáp quang qua Cục Bưu điện Trung ương và Công ty Viễn thông quân đội Viettel, băng thông thuê bao tính tại từng thời điểm theo yêu cầu cụ thể của ứng dụng và nhu cầu trao đổi thông tin.

1.3. Hệ thống máy tính cá nhân (PC)

Tăng cường kinh phí đầu tư máy PC cho cán bộ, công chức của Ủy ban, đảm bảo đạt tỷ lệ 100% cán bộ, công chức được trang bị máy tính đảm bảo cho nhu cầu triển khai nghiệp vụ chuyên môn.

1.4. Hệ thống bảo mật

Trang bị tăng cường các thiết bị/phần mềm bảo mật chuyên dụng cho các dịch vụ bảo mật lớp trong ở mức hệ thống (Firewall mềm) cùng với phần mềm phòng chống, diệt virus, malware tại các máy trạm đảm bảo tính an toàn, bảo mật thông tin trên toàn hệ thống cũng như tại vị trí của từng người sử dụng.

Ngoài ra, cũng cần trang bị thêm các thiết bị an toàn cho đường nguồn cung cấp điện để đảm bảo hệ thống hoạt động thông suốt như thiết bị lưu điện cỡ lớn, máy phát điện dự phòng.

2. Ứng dụng CNTT trong nội bộ

2.1. Hoàn thiện hệ thống Cổng thông tin điện tử các phần mềm dịch vụ công tác.

Triển khai giai đoạn hoàn thiện tổng thể các nội dung của Cổng thông tin điện tử theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông, bao gồm: chi phí cho bản quyền, kinh phí nâng cấp, hoàn thiện các chức năng, tích hợp các dịch vụ SSO, LDAP....

Tích hợp với hệ thống phần mềm cộng tác và thư điện tử Lotus Foundation trên nền hoạt động của Cổng Thông tin điện tử, đáp ứng nhu cầu làm việc cộng tác, hỗ trợ môi trường làm việc trên nền thông tin điện tử.

2.2. Hệ thống thông tin tổng thể phục vụ hoạt động quản lý, chỉ đạo và điều hành của Ủy ban Dân tộc

Triển khai xây dựng một *Hệ thống quản lý thông tin tổng thể* phục vụ các hoạt động quản lý, chỉ đạo và điều hành của Ủy ban Dân tộc nói riêng và hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước về công tác nói chung trên nền tảng Cổng thông tin điện tử hiện hành. Hệ thống phải đảm bảo các mục tiêu:

- Đáp ứng khả năng quản trị và truy cập thông tin từ cơ sở dữ liệu được xây dựng dựa trên nền tảng LDAP.

- Đáp ứng khả năng tích hợp và quản trị các ứng dụng dùng chung.

- Đáp ứng các yêu cầu về an toàn, bảo mật hệ thống thông tin và khả năng duy trì ổn định cũng như cam kết hỗ trợ các dịch vụ từ nhà cung cấp.

Trên nền tảng hệ thống quản lý thông tin tổng thể, triển khai xây dựng các phân hệ quản lý:

2.2.1. Phân hệ quản lý văn bản và điều hành

Hệ thống quản lý văn bản và điều hành đã được xây dựng và triển khai ứng dụng trong nội bộ cơ quan Ủy ban Dân tộc từ năm 2007.

Tuy nhiên sau khi nâng cấp Cổng thông tin điện tử của Ủy ban Dân tộc, để đảm bảo các ứng dụng có khả năng tích hợp với Cổng nói riêng và đáp ứng các yêu cầu cơ bản về chức năng, tính năng kỹ thuật tích hợp với hệ thống thông tin quản lý văn bản và điều hành của Chính phủ nói chung (công văn số 1654/BTTTT-UĐCNTT ngày 27/5/2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông), việc hoàn thiện các mô hình chức năng tổng thể, nâng cấp công nghệ trên nền tảng mới hoặc triển khai đầu tư trọn gói toàn bộ hệ thống, đồng thời với ban hành Quy chế quản lý, sử dụng và khai thác hệ thống quản lý văn bản và điều hành là nhu cầu cấp thiết và quan trọng trong giai đoạn hiện nay của Ủy ban Dân tộc. Các phân hệ chính bao gồm:

- Quản lý tác nghiệp xử lý công văn đi/đến bao gồm cả tác nghiệp xử lý tại các trạm làm việc: Lãnh đạo Ủy ban, Lãnh đạo Văn phòng, Lãnh đạo các Vụ, Chuyên viên, Văn thư,...;

- Quản lý hồ sơ công việc và giao nộp lưu trữ kết nối trực tuyến với phân hệ tác nghiệp xử lý công văn đi/đến;

- Quản lý các văn bản chuyên nội bộ và văn bản mật;

- Quản lý lịch công tác, theo dõi công việc, nhắc việc đồng bộ hoá với Quản lý sử dụng tài nguyên dùng chung như điều động xe, phòng họp, thiết bị...;

- Quản lý báo cáo và điều hành trong hệ thống các cơ quan làm công tác dân tộc;

- Diễn đàn trao đổi thông tin nội bộ.

2.2.2. Hệ thống thư điện tử

Nâng cấp hệ thống thư điện tử trên nền Lotus Foundations nhằm chuẩn hóa, tích hợp chung trên nền với Cổng thông tin điện tử của Ủy ban Dân tộc, đồng bộ hóa với hệ thống Quản lý văn bản và điều hành, tăng cường hiệu quả, khả năng ổn định của toàn hệ thống. Ban hành Quy chế quản lý, khai thác và sử dụng thư điện tử của Ủy ban Dân tộc, đảm bảo thực hiện thành công

Chỉ thị số 34/2008/CT-TTg ngày 03/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường sử dụng hệ thống thư điện tử trong hoạt động của cơ quan Nhà nước.

Hiện tại, hệ thống thư điện tử của Ủy ban Dân tộc đang hoạt động theo cơ chế offline, kết nối với nhà cung cấp dịch vụ Internet để tải thư về theo lịch trình thời gian cố định. Đôi lúc do dung lượng lưu tạm thời bị hạn chế nên thư điện tử có thể bị xoá. Để khắc phục các tình trạng trên, cần phải chuyển hệ thống thư điện tử về Ủy ban Dân tộc và thiết lập chế độ trực tuyến (online) 24/7, đảm bảo đáp ứng nhu cầu truy cập và khai thác của tất cả cán bộ, công chức, viên chức thuộc Ủy ban Dân tộc. Bổ sung thêm máy chủ làm nhiệm vụ SMTP server (Simple Mail Transfer Protocol - giao thức truyền nhận thư điện tử) để chặn, lọc thư rác và virus kết hợp với hệ thống tường lửa để đảm bảo hệ thống thư điện tử được an toàn, bảo mật.

2.2.3. Các hệ thống thông tin phục vụ nghiệp vụ chuyên môn

Các phân hệ thông tin phục vụ nghiệp vụ chuyên môn của Ủy ban Dân tộc đã được khảo sát, nghiên cứu và phân tích chi tiết trong những năm vừa qua bao gồm 10 nội dung chính:

(1) Quản lý nghiệp vụ kế toán tài chính và ngân sách (bao gồm cả cấp I và cấp III);

(2) Quản lý hồ sơ cán bộ (bao gồm cả quản lý đào tạo, chế độ chính sách..., kết nối trực tuyến với phân hệ quản lý tài chính kế toán và thi đua khen thưởng);

(3) Quản lý đơn thư khiếu nại, tố cáo và nghiệp vụ thanh tra;

(4) Quản lý nguồn vốn đầu tư, tình hình và kết quả thực hiện các chính sách dân tộc trên địa bàn cả nước, vùng miền;

(5) Quản lý tài sản và cung cấp vật tư, thiết bị;

(6) Quản lý nghiệp vụ lưu trữ, thư viện;

(7) Quản lý Thi đua khen thưởng toàn ngành;

(8) Quản lý hoạt động hợp tác quốc tế về lĩnh vực công tác dân tộc (bao gồm cả các hoạt động về nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng, đoàn ra, đoàn vào...);

(9) Quản lý, theo dõi các ấn phẩm và các bài viết về các dân tộc thiểu số (bao gồm cả các ấn phẩm trong và ngoài Ủy ban);

(10) Quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và môi trường của ngành dân tộc.

Để đảm bảo các hệ thống thông tin phục vụ nghiệp vụ chuyên môn trên đây được triển khai và đi vào hoạt động, phát huy hiệu quả tổng hợp, nâng cao năng lực làm việc trên môi trường mạng của cán bộ, công chức, viên chức, đẩy mạnh cải cách hành chính, giai đoạn 2011- 2015 cần tập trung kinh phí triển

khai xây dựng và triển khai ứng dụng các phân hệ (1), (2), (3), (4) và (5), đi đôi với hoàn thiện các hành lang pháp lý cho từng nội dung.

2.3. Bộ cơ sở dữ liệu về các dân tộc thiểu số Việt Nam

Nhiệm vụ xây dựng Bộ cơ sở dữ liệu về các dân tộc thiểu số Việt Nam được nhận định là một Bộ cơ sở dữ liệu quan trọng đối với vấn đề dân tộc và công tác dân tộc của Đảng và Nhà nước, được Thủ tướng Chính phủ đồng ý và giao Ủy ban Dân tộc tổ chức thẩm định, phê duyệt và chỉ đạo thực hiện (văn bản số 7557/VPCP-ĐP ngày 28/10/2009 của Văn phòng Chính phủ)

Trên cơ sở Bộ cơ sở dữ liệu này, triển khai tích hợp hệ thống thông tin bản đồ số nhằm tăng cường khả năng đánh giá sự phát triển cũng như dự báo thông tin đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2.4. Từ điển ngôn ngữ dân tộc thiểu số Việt Nam

Các dân tộc nước ta là một cộng đồng thống nhất trong đa dạng, cư trú phân tán và đan xen nhau trên mọi vùng miền với bản sắc văn hóa từng dân tộc tạo nên sự đa dạng, phong phú của nền văn hiến Việt Nam. Để hiện thực hóa chủ trương của Đảng: “Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng giúp đỡ nhau cùng tiến bộ”, việc bảo tồn, duy trì ngôn ngữ (tiếng nói, chữ viết) cũng như văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam là một trong những nhiệm vụ trọng điểm hiện nay. Từ điển ngôn ngữ được xây dựng sẽ bao gồm các nội dung chính:

- Từ điển tiếng (bao gồm từ và phát âm).
- Kho tư liệu về văn hóa truyền thống (kết nối với nội dung của Bộ CSDL về các DTTS Việt Nam).

3. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

Xây dựng, duy trì và phát triển hệ thống truyền phát trực tuyến các kênh phát thanh, truyền hình dân tộc trên mạng Internet theo nội dung Quyết định 1605/QĐ-TTg ngày 27/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011 – 2015: Dự kiến trong giai đoạn 2011 – 2015 sẽ triển khai truyền phát trực tiếp 120 kênh tiếng dân tộc trên mạng Internet.

Triển khai xây dựng các cổng thông tin thành phần phục vụ một số nội dung: Tin học hóa các thủ tục hành chính của Ủy ban Dân tộc; xây dựng một kênh thông tin trực tuyến giải đáp về công tác dân tộc và chính sách dân tộc; đào tạo trực tuyến (E-Learning) cho các cán bộ dân tộc và người dân; hoạt động giao lưu thương mại giữa đồng bào dân tộc thiểu số với doanh nghiệp, doanh nghiệp với doanh nghiệp..., tiến tới triển khai các dịch vụ công trực tuyến nằm trong chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc của Ủy ban Dân tộc trên cổng thông tin ở mức độ 3.

4. Nguồn nhân lực

Tiếp tục triển khai Nghị định số 64/2007/NĐ-CP và Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 01/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020:

- Đẩy mạnh việc phổ cập kiến thức và kỹ năng ứng dụng CNTT. Đảm bảo đa số cán bộ, công chức, viên chức; được đào tạo về ứng dụng CNTT trong công việc của mình.

- + Đào tạo sử dụng thành thạo Hệ điều hành và các ứng dụng văn phòng, Internet, Mail...: 200 lượt người

- + Đào tạo sử dụng thành thạo các ứng dụng của hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp theo chuyên môn được giao: 200 lượt người.

- + Đào tạo khai thác và cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu dân tộc: 500 lượt người (nằm trong dự án cơ sở dữ liệu dân tộc).

- + Đào tạo thường xuyên về các ứng dụng và giới thiệu các công nghệ mới trong lĩnh vực công nghệ thông tin: 100 lượt người/năm

- Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, các cơ quan chuyên ngành liên quan tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu cho cán bộ chuyên trách CNTT, đáp ứng yêu cầu quản lý và triển khai các nhiệm vụ chuyên môn được giao. Nội dung các khóa đào tạo cần tập trung chuyên sâu:

- + Về xây dựng, triển khai và quản lý các dự án công nghệ thông tin: 04 người.

- + Về năng lực quản trị và phát triển hệ thống hạ tầng mạng: 06 người.

- + Về năng lực quản trị và phát triển hệ thống Cơ sở dữ liệu dân tộc, Cổng Thông tin điện tử tích hợp hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp: 09 người.

- + Về năng lực quản trị và triển khai các hệ thống an toàn, an ninh và bảo mật hệ thống thông tin: 6 người.

V. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 58 và Nghị định 64 với một số nội dung chủ yếu dưới đây:

1. Tăng cường nguồn lực đầu tư cho ứng dụng CNTT

Nguồn lực đầu tư cho chiến lược ứng dụng CNTT của Ủy ban Dân tộc còn hạn hẹp, kinh phí cấp cho hoạt động ứng dụng CNTT được cân đối từ nguồn kinh phí chi thường xuyên hàng năm của Ủy ban Dân tộc, nên chỉ đủ để duy trì các hệ thống, không có khả năng phát triển. Do vậy để đảm bảo thực hiện thành công Kế hoạch giai đoạn 2011- 2015, đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng giải pháp tổng thể, kiến nghị với Chính phủ tăng cường kinh phí chi cho

hoạt động ứng dụng CNTT của Ủy ban Dân tộc nói riêng và các cơ quan Nhà nước nói chung, quan tâm ưu tiên đầu tư cho các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm trong chiến lược phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Đưa ứng dụng CNTT vào công cuộc cải cách hành chính

Đặt nhiệm vụ ứng dụng CNTT là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong công cuộc cải cách hành chính: tăng cường cán bộ chuyên trách về CNTT tham gia vào Tổ Cải cách hành chính của Ủy ban, đánh giá kết quả ứng dụng CNTT là một trong những tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động và cải cách hành chính của các Vụ, đơn vị.

3. Hoàn thiện bộ máy chuyên trách về CNTT

3.1. Thành lập Ban Chỉ đạo về Công nghệ thông tin:

Để đảm bảo tính khả thi của các chiến lược cũng như khả năng đánh giá toàn diện về ứng dụng công nghệ thông tin, đưa các quy chế về CNTT vào ứng dụng tại toàn bộ các Vụ, đơn vị của Ủy ban Dân tộc và các cơ quan làm công tác dân tộc địa phương, Ủy ban Dân tộc thành lập Ban Chỉ đạo về Công nghệ thông tin do Bộ trưởng, Chủ nhiệm làm Trưởng ban; giao Trung tâm Thông tin làm đơn vị thường trực của Ban chỉ đạo.

3.2. Hoàn thiện đơn vị chuyên trách về CNTT của Ủy ban Dân tộc, đảm bảo tốt về chất lượng, đủ về số lượng.

Tại đơn vị chuyên trách về CNTT: Xây dựng khung tổ chức và biên chế cho các phòng, đảm bảo đủ biên chế triển khai các hoạt động thường xuyên của hệ thống thông tin Ủy ban Dân tộc theo định hướng ổn định, đáp ứng được mục tiêu xây dựng chính phủ điện tử tại Ủy ban.

Tại các Vụ Địa phương: Xây dựng khung tổ chức Bộ phận Công nghệ Thông tin trực thuộc các Vụ địa phương, đảm bảo đủ biên chế cho các nghiệp vụ: quản trị hệ thống hạ tầng, quản trị hệ thống ứng dụng điều hành tác nghiệp, thống kê và tổng hợp thông tin khu vực.

Tại các cơ quan làm công tác dân tộc địa phương (Ban Dân tộc tỉnh và Phòng dân tộc huyện), bố trí tối thiểu 01 cán bộ (chuyên trách hoặc kiêm nhiệm) tổng hợp thông tin và báo cáo thường xuyên thông qua hệ thống thông tin của Ủy ban Dân tộc.

4. Hoàn thiện môi trường pháp lý về ứng dụng CNTT

Xây dựng, ban hành quy định về quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý văn bản điện tử; các chính sách nhằm giảm giấy tờ, tăng cường chia sẻ thông tin; các quy định về an toàn, an ninh thông tin trong các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin. Bảo đảm tận dụng triệt để hạ tầng kỹ thuật được trang bị trong trao đổi các văn bản hành chính giữa các Vụ, đơn vị trực thuộc Ủy ban nói riêng và giữa các cơ quan dân tộc với các cơ quan, tổ chức bên ngoài nói chung.

Hoàn thiện các văn bản quy định về tài chính phù hợp đặc thù ứng dụng công nghệ thông tin, có tác động thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, bao gồm: Bảo đảm kinh phí thường xuyên cho ứng dụng công nghệ thông tin; Ưu tiên biên chế cán bộ công nghệ thông tin; ban hành khung chế độ ưu đãi với cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin.

IV. LỘ TRÌNH

TT	Nội dung	Thời gian			
		QI	QII	QIII	QIV
Năm 2010:					
	Hoàn thiện hệ thống tổ chức về CNTT				
	Xây dựng và phê duyệt các Đề án, dự án chi tiết				
Năm 2011					
	Nâng cấp hệ thống máy chủ và các thiết bị mạng tại Ủy ban Dân tộc				
	Xây dựng và tích hợp Hệ thống quản lý văn bản và điều hành với toàn bộ các nội dung trên nền tảng công nghệ mới				
	Xây dựng phần mềm quản lý Bộ Cơ sở dữ liệu dân tộc thiểu số Việt Nam				
	Xây dựng, duy trì và phát triển hệ thống truyền phát trực tuyến các kênh phát thanh, truyền hình dân tộc trên mạng Internet				
	Trang bị các phần mềm bản quyền (Windows Server, SQL Server)				
	Triển khai đào tạo cán bộ chuyên trách về xây dựng, triển khai và quản lý các dự án CNTT				
	Triển khai đào tạo cho toàn bộ cán bộ, CCVC của Ủy ban về quản lý, khai thác và sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành				
Năm 2012					
	Hoàn thiện Hệ thống quản lý Bộ Cơ sở dữ liệu dân tộc thiểu số Việt Nam; tiếp tục khai thác và cập nhật thường xuyên nội dung của CSDL				
	Từ điển ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam: Xây dựng phần mềm quản lý đa ngôn ngữ				

Trang bị bản quyền phần mềm cộng tác Lotus Foundation tích hợp với Hệ thống QLVB&ĐH sau khi hoàn thiện. Xây dựng quy chế sử dụng				
Xây dựng, tích hợp và ứng dụng một số phân hệ phục vụ nghiệp vụ chuyên môn: - Quản lý hồ sơ cán bộ				
Xây dựng, duy trì và phát triển hệ thống truyền phát trực tuyến các kênh phát thanh, truyền hình dân tộc trên mạng Internet				
Xây dựng các cổng thông tin thành phần phục vụ người dân và doanh nghiệp				
Triển khai đào tạo cán bộ chuyên trách về năng lực quản trị và phát triển hệ thống hạ tầng mạng; về quản trị, lập trình và phát triển ứng dụng				
Triển khai đào tạo cho đội ngũ cán bộ tham gia triển khai các phân hệ nghiệp vụ chuyên môn				
Năm 2013				
Nâng cấp hệ thống đường truyền và các thiết bị mạng, đảm bảo khả năng kết nối trực tuyến giữa các cơ quan làm công tác dân tộc				
Hoàn thiện Hệ thống quản lý Bộ Cơ sở dữ liệu dân tộc thiểu số Việt Nam; tiếp tục khai thác và cập nhật thường xuyên nội dung của CSDL; Xây dựng và phê duyệt Quy chế và triển khai đào tạo về Quản lý, sử dụng và khai thác CSDL cho cán bộ làm CTDT cấp trung ương và cấp tỉnh.				
Từ điển ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam: Hoàn thiện phần mềm; thu thập dữ liệu và cập nhật thông tin.				
Xây dựng và ứng dụng một số phân hệ phục vụ nghiệp vụ chuyên môn: - Quản lý đơn thư KNTC và nghiệp vụ thanh tra; - Quản lý nghiệp vụ kế toán tài chính và ngân sách (bao gồm cả cấp I và cấp III);				
Xây dựng, duy trì và phát triển hệ thống truyền phát trực tuyến các kênh phát thanh, truyền hình dân tộc trên mạng Internet				
Xây dựng các cổng thông tin thành phần phục vụ người dân và doanh nghiệp				
Triển khai đào tạo cán bộ chuyên trách về năng				

	lực quản trị và phát triển hệ thống hạ tầng mạng; về quản trị, lập trình và phát triển ứng dụng				
	Triển khai đào tạo cho đội ngũ cán bộ tham gia triển khai các phân hệ nghiệp vụ chuyên môn				
Năm 2014					
	Hoàn thiện Hệ thống quản lý Bộ Cơ sở dữ liệu dân tộc thiểu số Việt Nam; Tích hợp hệ thống thông tin bản đồ số với CSDL.				
	Tiếp tục khai thác và cập nhật thường xuyên nội dung của CSDL; đào tạo cho cán bộ làm CTDT cấp huyện.				
	Từ điển ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam: Thu thập dữ liệu và cập nhật thông tin.				
	Xây dựng và ứng dụng một số phân hệ phục vụ nghiệp vụ chuyên môn:				
	- Quản lý nguồn vốn đầu tư, tình hình và kết quả thực hiện các chính sách dân tộc trên địa bàn cả nước, vùng miền;				
	- Quản lý tài sản và cung cấp vật tư, thiết bị.				
	Xây dựng, duy trì và phát triển hệ thống truyền phát trực tuyến các kênh phát thanh, truyền hình dân tộc trên mạng Internet				
	Xây dựng các cổng thông tin thành phần phục vụ người dân và doanh nghiệp				
	Triển khai đào tạo cán bộ chuyên trách về năng lực quản trị và phát triển hệ thống hạ tầng mạng; về quản trị, lập trình và phát triển ứng dụng				
	Triển khai đào tạo cho đội ngũ cán bộ tham gia triển khai các phân hệ nghiệp vụ chuyên môn				
Năm 2015					
	Hoàn thiện Hệ thống quản lý Bộ Cơ sở dữ liệu dân tộc thiểu số Việt Nam; tiếp tục khai thác và cập nhật thường xuyên nội dung của CSDL.				
	Từ điển ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam: Thu thập dữ liệu và cập nhật thông tin.				
	Xây dựng, duy trì và phát triển hệ thống truyền phát trực tuyến các kênh phát thanh, truyền hình dân tộc trên mạng Internet				
	Xây dựng các cổng thông tin thành phần phục vụ				

người dân và doanh nghiệp				
Hoàn thiện các hành lang pháp lý nhằm mục tiêu ứng dụng, duy trì và phát triển bền vững các nội dung đã triển khai.				
Triển khai đào tạo cán bộ chuyên trách về năng lực quản trị và phát triển hệ thống hạ tầng mạng; về quản trị, lập trình và phát triển ứng dụng				
Triển khai đào tạo cho đội ngũ cán bộ tham gia triển khai các phân hệ nghiệp vụ chuyên môn				
Tổng kết, đánh giá kết quả ứng dụng CNTT của Ủy ban Dân tộc giai đoạn 2011-2015, xây dựng kế hoạch giai đoạn 2016-2020				

V. DANH MỤC DỰ ÁN

TT	Tên Đề án/Dự án	Mục tiêu	Thời gian
1.	Dự án xây dựng Bộ cơ sở dữ liệu về các dân tộc thiểu số Việt Nam.	Xây dựng, chuẩn hóa Bộ cơ sở dữ liệu về công tác dân tộc có khả năng tích hợp với hệ thống CSDL quốc gia; duy trì nội dung thông tin của Bộ CSDL	2011-2015
2.	Dự án xây dựng Từ điển ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam.	Bảo tồn, duy trì ngôn ngữ (tiếng nói, chữ viết) cũng như văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam.	2012-2015
3.	Dự án nâng cấp hệ thống hạ tầng mạng tại cơ quan UBND.	Hoàn thiện hệ thống mạng nội bộ, đảm bảo khả năng phục vụ các hoạt động CNTT của UBND và khả năng kết nối của hệ thống các cơ quan làm CTĐT với hệ thống mạng của Chính phủ (bao gồm kinh phí bản quyền phần mềm hệ thống).	2011-2015
4.	Dự án xây dựng hệ thống quản lý văn bản và điều hành của hệ thống các cơ quan làm công tác dân tộc.	Đưa hệ thống QLVB và điều hành chính thức hoạt động phục vụ hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành trong hệ thống các cơ quan làm CTĐT, tích hợp hệ thống làm việc cộng tác và thư điện tử (bao gồm kinh phí bản quyền phần mềm cộng tác).	2011-2015

5.	Dự án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động nghiệp vụ chuyên môn của cơ quan Ủy ban Dân tộc.	Tin học hóa 05 nhiệm vụ chuyên môn phục vụ hoạt động của Ủy ban Dân tộc theo yêu cầu đảm bảo đồng bộ hóa các thông tin	2012-2014
6.	Dự án truyền phát trực tuyến các kênh phát thanh, truyền hình dân tộc trên mạng Internet.	Đưa các kênh thông tin bằng tiếng dân tộc lên Internet, phục vụ cung cấp thông tin bằng tiếng DTTS cho đồng bào.	2011-2015
7.	Xây dựng các cổng thông tin thành phần phục vụ người dân và doanh nghiệp	Xây dựng một hệ thống giao diện bao gồm các công cụ, thông tin, biểu mẫu phục vụ cải cách hành chính tại cơ quan Ủy ban Dân tộc song song với phục vụ người dân và doanh nghiệp.	2012-2015
8.	Dự án đào tạo về công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức hệ thống các cơ quan làm công tác dân tộc.	Nâng cao năng lực quản trị hệ thống, quản trị và phát triển ứng dụng CNTT của đội ngũ cán bộ chuyên trách; năng lực sử dụng hệ thống thông tin của CBCCVC các cơ quan làm CTDT	2011-2015

VI. KINH PHÍ

Kinh phí xây dựng nội dung, dự toán chi tiết các Dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan của Ủy ban Dân tộc giai đoạn 2011-2015 được trích từ nguồn kinh phí hoạt động của Ủy ban Dân tộc năm 2011.

Hàng năm, Trung tâm Thông tin lập dự toán chi tiết kinh phí triển khai các Dự án cụ thể gửi Vụ Kế hoạch Tài chính xem xét, trình Lãnh đạo Ủy ban để được cấp kinh phí thực hiện theo quy định hiện hành.

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được huy động từ nguồn kinh phí của các tổ chức hỗ trợ khác.

VII. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ CỦA KẾ HOẠCH

Đạt được mục tiêu đề ra trong Phần II của Kế hoạch cũng như các mục tiêu tổng thể của Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý của cơ quan Nhà nước giai đoạn 2011-2015